

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG TẠI BẢO TÀNG ĐIỀU KHẮC CHĂM ĐÀ NẴNG

Nhận bài:
05 – 03 – 2017
Chấp nhận đăng:
25 – 06 – 2017
<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Thị Kim Oanh

Tóm tắt: Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (PPHTPVCD) là một phương pháp dạy và học chủ động mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học hướng đến mục tiêu đáp ứng nhu cầu của cộng đồng. Bài viết này đề cập đến việc thực nghiệm áp dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (HTPVCD) trong chương trình giảng dạy học phần “Các tôn giáo phương Đông” của ngành Đông phương học, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng với định hướng giáo dục gắn kết cộng đồng của Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng. Kết quả có được là những nỗ lực ban đầu nhằm thay đổi phương pháp giảng dạy đại học theo hướng chủ động cũng như gắn kết việc học tập tại trường Đại học với những trải nghiệm thực tế tại cộng đồng văn hóa của sinh viên.

Từ khóa: phương pháp học tập phục vụ cộng đồng; phương pháp dạy và học chủ động; ngành Đông phương học; Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng; cộng đồng văn hóa tại địa phương.

1. Giới thiệu

Hiện nay, tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới, có hai nhóm phương pháp giảng dạy chủ động được áp dụng phổ biến. Thứ nhất, là nhóm phương pháp giúp sinh viên học tập chủ động (Active Learning) bao gồm các phương pháp tiêu biểu như: động não, chia sẻ theo cặp, tổ chức học tập theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, đóng vai... Thứ hai, là nhóm phương pháp giúp sinh viên học tập trải nghiệm (Exeperiential Learning), bao gồm các phương pháp như: dạy học thông qua đồ án, nghiên cứu tình huống, mô phỏng, học tập phục vụ cộng đồng... Mỗi phương pháp thuộc hai nhóm giảng dạy chủ động nói trên đều mang lại lợi ích nhất định cho người học. Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (PPHTPVCD) thuộc nhóm phương pháp thứ hai (tên tiếng Anh là Service Learning hoặc Community - based learning) ra đời từ năm 1986. Đây là phương pháp học tập có sự gắn kết giữa môi trường lớp học với các hoạt động phục vụ cộng đồng, trong đó các hoạt động này sẽ

hỗ trợ giải quyết nhu cầu thực tế của cộng đồng nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu học tập của người học trong thời gian quy định của môn học (Skinner & Chapman, 1999).

Việc sinh viên tham gia vào các hoạt động cộng đồng trong thời gian học tập tại trường đem lại một số lợi ích nhất định như sau: (1) Thông qua việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng có hiệu quả, sinh viên sẽ cảm nhận rõ nghĩa vụ công dân của mình. (2) Thông qua quá trình tham gia các hoạt động tại cộng đồng, sinh viên được rèn luyện một số kỹ năng cần thiết như tổng hợp, phân tích và sử dụng thông tin hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp... (3) Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp tục phát triển các kỹ năng đã có được cũng như phát triển các mối quan hệ và tham gia vào các tổ chức có liên quan đến cộng đồng địa phương.

Trong năm học 2016-2017, chúng tôi đã thực nghiệm áp dụng PPHTPVCD đối với học phần “Các tôn giáo phương Đông” thuộc chương trình đào tạo ngành Đông phương học, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng nhằm giúp cho 55 sinh viên năm 4 hưởng đến 03 lợi ích đã nói ở trên thông qua việc tham gia hoạt động hỗ trợ Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng trong việc truyền thông và giới thiệu văn

* Liên hệ tác giả
Lê Thị Kim Oanh
Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
Email: ltkoanh@ufl.udn.vn

hóa Chăm-pa đến với các học sinh phổ thông trung học tại địa phương. Kết quả thực nghiệm có được là cơ sở quan trọng để chúng tôi bước đầu đề ra mô hình gắn kết giáo dục đại học với định hướng phát triển của các cộng đồng văn hóa tại địa phương trong thời gian tiếp theo.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp thực hiện

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng

Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (PPHTPVCD) có tên tiếng Anh là Service Learning hoặc Community - based learning. Theo Jacoby (1996): “Học tập phục vụ cộng đồng là một hình thức giáo dục trải nghiệm, trong đó học sinh tham gia vào các hoạt động giải quyết vấn đề và nhu cầu của cộng đồng cùng với sự tự phản ánh của người học nhằm đạt được kết quả học tập mong muốn.” [3]

Theo David Busch, phương pháp này được cho là bắt đầu từ quan điểm hiện đại của John Dewey vào những năm 1960. Đó là “Giáo dục (GD) là vừa học vừa làm”, “GD phải phù hợp với cuộc sống và kinh nghiệm của các SV” và “sự tương tác giữa kiến thức và kỹ năng với kinh nghiệm là chìa khóa để học tập”. Quan điểm này đã được các nhà giáo dục nổi tiếng trên thế giới ủng hộ. Từ năm 1985, PPHTPVCD đã phát triển mạnh mẽ trên khắp nước Mỹ và mở rộng phạm vi ra toàn cầu.

Phương pháp HTPVCD du nhập đến các nước châu Âu vào khoảng đầu thế kỉ XXI và dần mở rộng tầm ảnh hưởng sang khu vực châu Á. Tại Việt Nam, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (KHTN) - ĐH Quốc Gia TP.HCM là đơn vị đầu tiên ứng dụng, lồng ghép PPHTPVCD vào trong các môn học. Để phát triển các phương pháp dạy học tích cực nói chung và PPHTPVCD nói riêng, ngày 01/08/2007, Trường ĐH KHTN đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu cải tiến PP dạy và học ĐH (CEE). Trung tâm thường xuyên mở các lớp tập huấn hỗ trợ các GV có nhu cầu học hỏi để đổi mới về PP giảng dạy. Cùng với trường ĐH KHTN, một số trường ĐH khác tại Việt Nam cũng đã ứng dụng thành công PPHTPVCD vào trong nhiều môn học. Khoa Xã hội học và Khoa Công tác Xã hội của Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn đã thực hiện thí điểm các dự án HTPVCD từ năm 2012.

Quy trình triển khai PP HTPVCD theo năm bước sau: (1) Điều tra; (2) Lập kế hoạch và chuẩn bị; (3)

Thực hiện; (4) Phản hồi; (5) Báo cáo kết quả và tổng kết (RMC Research Corporation, 2009).

Giáo viên (GV) và người học (NH) sẽ điều tra để xác định những vấn đề mà cộng đồng (CD) gặp phải mà NH có thể hỗ trợ giải quyết trong phạm vi môn học. Từ đây, CD - GV - NH cùng trao đổi, lập kế hoạch và chuẩn bị cho các hoạt động trong lớp học và tại CD, làm cơ sở cho việc thực hiện HTPVCD nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của NH cũng như mang lại lợi ích cho CD. Trong quá trình thực hiện cũng như khi kết thúc dự án, có thể nói, sự phản hồi là hết sức cần thiết giúp NH ghi nhận những điều họ được học trong trường và kinh nghiệm quý báu từ CD, đồng thời hiểu rõ hơn về giá trị và ý nghĩa xã hội của PP HTPVCD. Cuối cùng, một buổi lễ tổng kết để NH báo cáo kết quả DA, ghi nhận sự tri ân từ CD sẽ được diễn ra dựa trên sự sắp xếp thời gian và địa điểm của các bên tham gia (thường là tại CD). Cùng với NH, CD và GV cũng sẽ chia sẻ những điều đã đạt được, những gì cần cải thiện và định hướng hợp tác trong tương lai.

2.1.2. Định hướng giáo dục gắn kết cộng đồng của Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng

Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng (BTĐKCĐN) tọa lạc tại số 2, đường 2/9, Quận Hải Châu, đi vào hoạt động chính thức từ năm 1919 và được xem là nơi lưu giữ và trưng bày bộ sưu tập các tác phẩm điêu khắc Champa lớn nhất Việt Nam. Theo số liệu thống kê năm 2016, tổng lượng khách đến tham quan Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng là 296.917 lượt người. Tuy nhiên, trong số 296.917 khách đến với bảo tàng năm 2016, khách quốc tế chiếm 269.991 lượt người và khách nội địa là 26.980 lượt người, chủ yếu là khách du lịch đến từ Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác trong cả nước. Trong tổng lượng khách nội địa, số lượng học sinh - sinh viên chiếm 4.319 người mà đa phần là học sinh - sinh viên đến từ các trường đại học - cao đẳng trên toàn quốc. (Nguồn: Số liệu thống kê năm 2016 của Phòng Giáo dục - Truyền thông, BTĐKCĐN)

Tác giả Nguyễn Hoàng Hương Duyên đã đưa ra một số lí do giải thích cho thực trạng gắn kết lỏng lẻo giữa bảo tàng và các cơ sở giáo dục tại địa phương như sau: (1) Bảo tàng thiếu chương trình giáo dục, chương trình công chúng hấp dẫn cho học sinh và người dân trên địa bàn thành phố; (2) Bảo tàng thiếu sự hợp tác với các trường trên địa bàn thành phố; (3) Bảo tàng thiếu

các phương tiện thuyết minh giải thích hiện vật cho du khách. Ngoài ra, giữa bảo tàng và nhà trường chưa xây dựng được một chương trình làm việc hiệu quả, đảm bảo nội dung giảng dạy tại nhà trường có liên hệ chặt chẽ với bộ sưu tập hiện vật đồ sộ của bảo tàng. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp cho thực trạng này là định hướng phát triển của Bảo tàng cần hướng về cộng đồng, thay đổi cách tiếp cận và phương pháp tổ chức chương trình giáo dục cho học sinh tại Bảo tàng. Đồng thời, các chương trình truyền thông mà Bảo tàng đang hướng tới phần lớn là dành cho học sinh tiểu học chứ chưa mở rộng cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tuy nhiên, một khó khăn lớn mà Bảo tàng đang gặp phải là thiếu nhân sự và đội ngũ cán bộ có phương pháp, kỹ năng trong công tác truyền thông - giáo dục. Do đó, hiện nay, Bảo tàng đã và đang tổ chức các chương trình tình nguyện viên dành cho sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Thông qua chương trình này, Bảo tàng tạo điều kiện cho công chúng địa phương tham gia trực tiếp vào các hoạt động của mình, từ đó hướng đến nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản của nền văn hóa Chăm đang được bảo tồn tại địa phương [4].

2.2. Triển khai việc áp dụng PPHTPVCD cho sinh viên năm 4, ngành ĐPH tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng

2.2.1. Nội dung và cách thức triển khai

Dựa trên quy trình 5 bước của PPHTPHV CD, sau khi khảo sát nhu cầu của Bảo tàng về định hướng giáo dục hướng đến đối tượng học sinh phổ thông trung học tại địa phương, chúng tôi đã lập kế hoạch và triển khai thực nghiệm áp dụng PPHTPVCD tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm cho 55 sinh viên năm 4, ngành Đông phương học, Trường Đại học Ngoại ngữ đang tham gia học phần *Các tôn giáo phương Đông* trong HKI, từ ngày 8 tháng 8 đến ngày 30 tháng 11 năm học 2016 - 2017. Tại giảng đường, với thời lượng 15 tuần (mỗi tuần 2 tiết), sinh viên được học song song cơ sở lý thuyết của học phần *Các tôn giáo phương Đông* (chủ yếu tập trung vào Hindu giáo và các kiến thức có liên quan đến văn hóa Chăm-pa) cùng với các kiến thức, kỹ năng liên quan đến thực hiện việc áp dụng phương pháp HTPVCD. Đồng thời, sinh viên sẽ được yêu cầu triển khai các dự án nhỏ theo nhóm nhằm mục đích áp dụng lý thuyết được học tại lớp để giải quyết nhu cầu giới thiệu văn hóa Chăm-pa đến với các học sinh phổ thông trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Nói cách khác, môn học *Các tôn giáo phương Đông* được tổ chức dưới dạng một dự án giúp giải quyết một vấn đề của Bảo tàng Điêu khắc Chăm với tên gọi “*Tìm hiểu những ảnh hưởng của Hindu giáo đến Trang phục và Âm nhạc của người Chăm-pa cổ và người Chăm Bà La Môn hiện nay*”. Theo đó, 55 sinh viên được chia thành 04 nhóm. Mỗi nhóm tạo ra 01 sản phẩm video clip nhằm giải quyết nhu cầu nói trên của Bảo tàng Chăm. Trong quá trình thực hiện các sản phẩm này, các nhóm sinh viên đã nhận được sự hỗ trợ từ Bảo tàng trong công tác tư vấn chuyên môn, hỗ trợ tài liệu cũng như cho mượn các công cụ cần thiết để thực hiện sản phẩm.

2.2.2. Phương pháp thực hiện

Phương tiện truyền thông mà các nhóm sinh viên sử dụng để truyền bá các sản phẩm video của mình là mạng xã hội Facebook với địa chỉ: <https://www.facebook.com/slosufl/>

Thời gian truyền thông kéo dài trong vòng một tuần lễ (từ ngày 23/11 đến ngày 28/11) hướng đến là tất cả các đối tượng có quan tâm đến văn hóa Chăm-pa, trong đó tập trung truyền thông đến học sinh phổ thông trung học tại địa phương thành phố Đà Nẵng và các khu vực lân cận thuộc miền Trung và Nam Trung Bộ như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế, Phú Yên, Khánh Hòa... Nhằm đảm bảo được đối tượng mục tiêu của dự án là học sinh phổ thông trung học, chúng tôi đã yêu cầu từng sinh viên phải chủ động kêu gọi và đăng kí danh sách đối tượng nêu trên trước khi thời gian truyền thông diễn ra. Đồng thời, các học sinh phổ thông trung học khi vào xem clip cũng phải để lại họ tên, trường mình đang theo học. Danh sách này được tính như một cột điểm cá nhân trong quá trình thực hiện dự án.

3. Kết quả và đánh giá

3.1. Kết quả

Sau một tuần lễ thực hiện quảng bá các 04 video clip có nội dung liên quan đến văn hóa Chăm-pa, chúng tôi đã thu được các kết quả như sau:

Bảng 1. Kết quả truyền thông của 04 sản phẩm video clip trên mạng xã hội

Stt	Tên - Nội dung clip	Lượng tiếp cận	Cảm xúc, bình luận, chia sẻ
1	Hai thế giới - Trang	11.050	2379

	phục & âm nhạc của người Chăm		
2	Anh chàng nhà bên - Trang phục người Chăm-pa cổ	4588	893
3	Nơi tình yêu bắt đầu - Trang phục người Chăm hiện đại	6106	1822
4	Nhạc cụ cổ của người Chăm	3827	1688

Nguồn: <https://www.facebook.com/slosufl/insights/>

Tiếp theo, để đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá các sản phẩm nói trên, chúng tôi cũng yêu cầu Bảo tàng cho ý kiến về các video clip của sinh viên.

Bảng 2. Kết quả đánh giá 04 sản phẩm video clip của cán bộ Bảo tàng Diêu khắc Chăm

Stt	Tên - Nội dung clip	Tốt (8,5~9 điểm)	Khá (8~8,5 điểm)
1	Hai thế giới - Trang phục & âm nhạc của người Chăm	x	
2	Anh chàng nhà bên - Trang phục người Chăm-pa cổ		x
3	Nơi tình yêu bắt đầu - Trang phục người Chăm hiện đại		x
4	Nhạc cụ cổ của người Chăm	x	

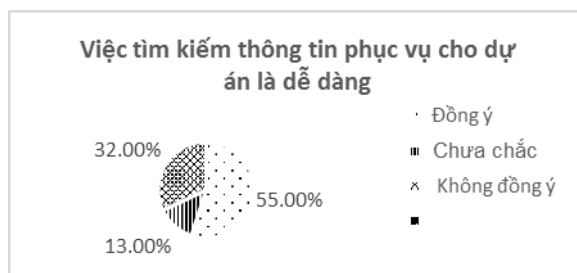
Nguồn: Bảng khảo sát ý kiến và đánh giá của Bảo tàng Diêu khắc Chăm về việc áp dụng PPHTPVCD

Qua kết quả này cho thấy, Bảo tàng đánh giá khá cao hoạt động gắn kết giáo dục đại học với cộng đồng văn hóa địa phương. Bên cạnh đó, Bảo tàng cũng cho biết sẽ sử dụng các sản phẩm này trên các phương tiện truyền thông của mình trong năm 2017-2018. Đồng thời, hoạt động của dự án được đánh giá là một trong mười hoạt động nổi bật của Bảo tàng trong năm 2016.

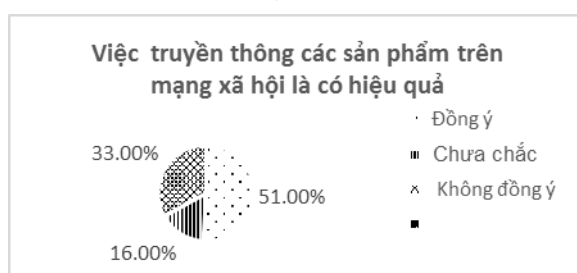
Ngoài ra, chúng tôi cũng thực hiện khảo sát ý kiến của 55 sinh viên về việc áp dụng PPHTPVCD trong quá trình học và có các kết quả như sau.

Về dự án, có 55% ý kiến đồng ý cho rằng việc tìm kiếm thông tin phục vụ cho dự án là dễ dàng và 51% ý

kiến đồng ý việc truyền thông các sản phẩm trên mạng xã hội là mang lại hiệu quả.

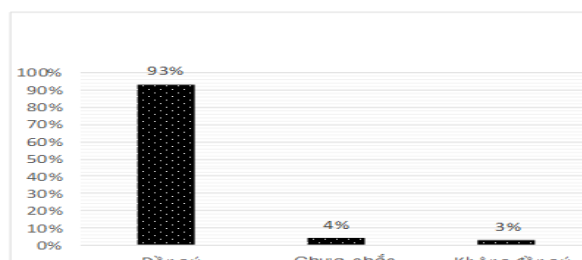


Hình 1. Ý kiến của sinh viên về việc tìm kiếm thông tin phương pháp này trong việc giúp các bạn đạt được các mục tiêu



Hình 2. Ý kiến của sinh viên về việc truyền thông các sản phẩm trên mạng xã hội

Về PPHTPVCD, phần lớn các sinh viên đều đánh giá phương pháp này đã giúp các bạn đạt được các mục tiêu về kiến thức và kỹ năng mà học phần đã đề ra. Hơn nữa, phương pháp này còn giúp sinh viên nhận thức rõ hơn trách nhiệm công dân của mình đối với cộng đồng địa phương cũng như có thái độ tích cực hơn trong việc tiếp cận văn hóa địa phương.



Hình 3. Ý kiến của sinh viên về PPHTPVCD trong việc nâng cao ý thức công dân và tiếp cận văn hóa địa phương

3.2. Đánh giá và đề xuất

3.2.1. Đánh giá

Thông qua kết quả của việc thực nghiệm áp dụng PPHTPVCD trong việc gắn kết chương trình đào tạo

ngành ĐPH, Trường ĐHNN với định hướng phát triển giáo dục cộng đồng của Bảo tàng Điều khắc Chăm Đà Nẵng, có thể bước đầu đưa ra một số thuận lợi và khó khăn như sau.

a. Thuận lợi

- Về phía Bảo tàng:

+ Bước đầu nâng cao nhận thức của cộng đồng, cụ thể là học sinh, sinh viên về việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Chăm nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung.

+ Giới thiệu, quảng bá về Bảo tàng và giá trị các bộ sưu tập đang được lưu giữ, trưng bày, đặc biệt hướng đến đối tượng học sinh, sinh viên.

+ Các sản phẩm video clip đã tạo được sự chú ý của đối tượng học sinh cấp 3 và có thể sử dụng để truyền thông trong thời gian tiếp theo.

+ Tăng cường mối liên hệ hợp tác, liên kết giữa Bảo tàng với các đơn vị giáo dục, trong đó có Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Về phía Khoa QTH, Trường ĐHNN, ĐHDN:

+ Tăng cường mối liên hệ hợp tác, liên kết với cộng đồng văn hóa địa phương trong việc tạo ra những chương trình đào tạo mang tính trải nghiệm thực tế đáp ứng nhu cầu tạo ra một đội ngũ nhân sự năng động, có chuyên môn cao về văn hóa, lịch sử, tôn giáo, xã hội phù hợp với xu thế phát triển của thành phố Đà Nẵng trong hiện tại và tương lai.

+ Sinh viên cảm thấy hứng thú hơn với chương trình học đại học cũng như rèn luyện được nhiều kỹ năng mềm trong quá trình tham gia giúp đỡ cộng đồng.

+ Sinh viên cảm thấy dễ dàng hơn khi tiếp cận văn hóa địa phương cũng như nhận thức rõ hơn trách nhiệm công dân trong việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản của văn hóa địa phương.

b. Khó khăn

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi kể trên, trong quá trình thực hiện, dự án cũng gặp một số khó khăn nhất định.

- Về phía Bảo tàng:

+ Cơ sở vật chất tại Bảo tàng đang được cải tạo, nâng cấp gây hạn chế trong việc tổ chức các hoạt động.

+ Một số tư liệu và tài liệu tham khảo tại Bảo tàng chưa đáp ứng nhu cầu của dự án.

+ Sinh viên chưa có kinh nghiệm trong thực hiện quy định, nguyên tắc và quy trình làm việc tại môi trường công sở nên dẫn đến một số khó khăn cho cán bộ trong việc hướng dẫn thực hiện dự án.

+ Kiến thức nền của sinh viên về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật Chăm còn hạn chế nên mất nhiều thời gian cho công tác tư vấn và chỉnh sửa các lỗi về chuyên môn của sản phẩm dự án.

- Về phía Khoa QTH, Trường ĐHNN, ĐHDN:

+ Quá trình chuẩn bị, lên kế hoạch cho dự án mất nhiều thời gian.

+ Số lượng sinh viên đông nên khó quản lý.

+ Sinh viên còn thiếu một số kỹ năng cần thiết để thực hiện dự án như kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm...

+ Sinh viên bị áp lực về thời gian và ảnh hưởng bởi thời gian dành cho các học phần khác nên dễ bị lơ là trong quá trình thực hiện dự án.

3.2.2. Đề xuất

Thông qua việc đánh giá các thuận lợi và khó khăn nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

- Tiếp tục áp dụng PPHTPVCD cho chương trình đào tạo của ngành ĐPH gắn liền với chương trình giáo dục - truyền thông của các cộng đồng văn hóa - xã hội địa phương.

- Xây dựng một học phần tự chọn bắt buộc mang tên “Văn hóa bản địa miền Trung” thuộc chương trình đào tạo ngành ĐPH nhằm cung cấp một kiến thức nền về lịch sử, văn hóa địa phương trước khi cho sinh viên thực hiện các dự án HTPVCD tại các cộng đồng.

- Bổ sung các kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo ngành ĐPH nhằm cung cấp cho sinh viên công cụ cần thiết trong việc ứng dụng các kiến thức học tại trường trong thực tế cuộc sống.

4. Kết luận

Hiện nay, chương trình giáo dục đại học Việt Nam đã chuyển hẳn sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Tuy

nhân, giảng viên và sinh viên còn đang lúng túng trong vấn đề sử dụng và đánh giá giờ tự học hiệu quả. Việc áp dụng PPHTPVCD có thể lồng ghép hoạt động hỗ trợ cộng đồng vào thời gian tự học của sinh viên, giúp giảng viên có thể đánh giá được kết quả học tập một cách chính xác hơn. Hơn nữa, điều quan trọng là thông qua HTPVCD, sinh viên có cơ hội thật sự để rèn luyện ý thức công dân, phục vụ cộng đồng, quan tâm đến các vấn đề xã hội đang diễn ra xung quanh mình, khiến cho việc học tập tại đại học gắn kết với thực tế cuộc sống. Đây là một trong những yếu tố hàng đầu mà Luật Giáo dục Việt Nam đề cập đến nhưng chưa thực sự được thực hiện rõ nét trong chương trình đào tạo.

Hơn nữa, để chương trình đào tạo của ngành ĐPH, Khoa QTH, Trường ĐHNN, ĐHĐN trở thành một chương trình đào tạo có thể mạnh trong việc tận dụng những đặc trưng và tiềm năng phát triển của địa phương thì việc xây dựng các học phần gắn kết với định hướng phát triển của các cộng đồng văn hóa - xã hội tại địa phương là một hướng đi tất yếu và thực sự cần thiết thực hiện tại và tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] RMC Research Corporation (2009), K-12 Service-Learning Project Planning Toolkit, Scotts Valley, CA: National Service-Learning Clearinghouse.
- [2] Eyler, J. (2002), Linking Service and Learning - Linking Students and Communities, Vanderbilt University, Journal of Social Issues, Vol.58. No.3
- [3] Jacoby, B. (1996), Service-learning in higher education: Concepts and practices, Jossey-Bass, San Francisco.
- [4] Nguyễn Hoàng Hương Duyên, (2013), Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng- Thay đổi cách tiếp cận và phương pháp thực hiện chương trình giáo dục trong nỗ lực gắn kết cộng đồng, Tạp chí Phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng, số 45, tr 48-54.
- [5] Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn Thành Hải và Phùng Thúy Phương (2010), Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO, ĐH Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh Hội thảo CDIO 2010.
- [6] <http://chammuseum.vn/vi/tin-tuc-su-kien/10-hoat-dong-noi-bat-cua-bao-tang-dieu-khac-cham-nam-2016/> (Truy cập ngày 6/2/2017)
- [7] David Busch, A Brief History of Service Learning, Social Change 101, truy cập ngày 20/04/2016, <<http://www.socialchange101.org/history-of-service-learning/>>.

APPLYING SERVICE LEARNING METHOD AT MUSEUM OF CHAM SCULPTURE IN DANANG

Abstract: Service Learning (SL) is an active teaching and learning method which enables learners to apply in-class knowledge to reality, and at the same time orients their learning outcomes towards the goal of meeting the demands of communities.

This article presents an experimental study applying SL to the teaching of the subject "Oriental Religions" as part of Oriental Studies at the Department of International Studies, University of Foreign Languages Studies, The University of Danang. This application is aimed at linking education with the community – an idea proposed by the Museum of Cham Sculpture in Da Nang. The results obtained are attributed to efforts in reforming teaching methods at tertiary institutions as well as connecting higher education learning with students' experiences in local cultural communities.

Key words: service learning; active teaching and learning; Oriental Studies; Museum of Cham Sculpture in Da Nang; local cultural community.